

THỰC TRẠNG HÀNH VI TUÂN THỦ NỘI QUY, QUY CHẾ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Đạt,
Trần Thùy Nhung,
Lê Thị Xuân Thu

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: nmdat@hcmulaw.edu.vn

Article History

Received: 05/9/2020
Accepted: 12/01/2021
Published: 05/02/2021

Keywords

behaviour, level of
compliance, school
regulations, behavioural
culture.

ABSTRACT

In the current situation, the behavior in school culture still has certain shortcomings; school violence is happening alarmingly; cheating in exams;... are making the school culture no longer maintain good values. Therefore, the provisions of education law, the current regulations and the rules in the school have become a guideline for learners to be able to promptly realize, have correct behavior, and limit mistakes. Research on student's compliance behavior at a number of universities in Ho Chi Minh City in order to give a more complete, objective view of the ability of internal regulations in raising awareness about ethical values as well as the basis for building a code of conduct that is culturally appropriate in the educational environment. The behavior of complying with student regulations is important in maintaining order at universities.

1. Mở đầu

Hành vi tuân thủ là một khía cạnh quan trọng trong công tác quản lý học đường cũng như giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên (SV) ở hầu hết các giai đoạn phát triển của hệ thống giáo dục Việt Nam. Với bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, nền giáo dục đặt nặng tuân thủ kỉ luật như ở nước ta (Bùi Thanh Bình, 2017) đang bị xem xét là giáo điều và cản trở sự phát triển của người học. Tuy nhiên, bằng chứng thực nghiệm và cơ sở lí thuyết về giáo dục đều không thể phủ nhận vai trò của quy định về chuẩn mực ứng xử trong xã hội nói chung và trong môi trường giáo dục nói riêng (Ukpabio và Etor, 2016), trong đó, “tuân thủ” lại là công cụ quản lý hữu hiệu nhất (Dossierpolitik, 2010).

Hành vi của người học trong môi trường giáo dục Việt Nam từ xưa đến nay vốn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo với các giá trị chuẩn mực như “tiên học lễ, hậu học văn”, “trọng thầy mới được làm thầy”... Bên cạnh đó, dưới tác động của giáo dục Tây phương đã khiến cho hành vi tự chủ, cởi mở và đa dạng hơn cho người học ở nước ta. Về bản chất, tư tưởng độc lập chủ đạo trong lĩnh vực giáo dục của Việt Nam chủ yếu tập trung vào cá nhân người học với những bài học về “cần cù bù thông minh”, “Trong cách học, phải lấy tự học làm cốt” (tư tưởng Hồ Chí Minh)... từ đó hình thành nên những chuẩn mực giáo dục tổng quan tại các trường đại học trong việc xây dựng, ban hành và thực thi những quy định, nội quy, quy chế xoay quanh lễ nghi, phương thức học tập và tinh thần văn hóa ứng xử cũng được luật hoá trong Luật Giáo dục (Quốc hội, 2019), Luật Giáo dục đại học (Quốc hội, 2012) và trong nhiều công trình khác, tiêu biểu là cuốn “Giáo dục nếp sống văn hoá cho học sinh” (Ban Tuyên giáo Trung ương, Vụ Giáo dục và đào tạo, dạy nghề, 2015)...

Nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá ứng xử ở Việt Nam và văn hoá ứng xử trong trường học đã khai thác đặc tính văn hoá của con người và phân tích ảnh hưởng của chúng đến các lĩnh vực khác như kinh doanh, học tập, như nghiên cứu của Phạm Minh Thảo (2003), Nguyễn Thanh Tuấn (2008)... Ngoài ra, vai trò của công tác giáo dục lí luận và xây dựng con người Việt Nam hiện nay, đặc biệt là nhân cách của SV Việt Nam dựa trên giáo dục đạo đức Mác - Lênin và tổ chức chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được đề cập trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Hương và Nguyễn Thu Hà (2019). Tuy nhiên, các công trình này chưa đánh giá được mức độ thực hiện và điều chỉnh hành vi của người học theo những chuẩn mực văn hóa, luật pháp hay nội quy như lí thuyết đã đề xuất.

Chính vì vậy, nghiên cứu hành vi tuân thủ nội quy của SV trong các trường đại học là một vấn đề thiết thực cả về mặt học thuật lẫn ứng dụng thực tế tại Việt Nam. Bài báo khảo sát, đánh giá về mức độ tuân thủ nội quy, quy chế của SV tại một số trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh nhằm đánh giá khách quan, đầy đủ về ưu điểm và hạn chế của việc áp dụng “văn hoá tuân thủ” trong môi trường giáo dục, góp phần xây dựng nền tảng cho văn hoá ứng xử học đường phù hợp với thời đại nhưng vẫn đảm bảo giữ gìn được bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm hành vi và hành vi tuân thủ

Hành vi là “tập hợp chuỗi những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra bên ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định” (Bourdieu, 2000). Cách hiểu này đề cập đến hoàn cảnh của sự xuất hiện hành vi và hành vi ở đây phải là những hành xử mà người khác có thể quan sát được. Tuân thủ là hành động, thái độ và niềm tin phù hợp với chuẩn mực của một tập thể hoặc cơ quan quản lý Nhà nước (Cialdini và Goldstein, 2004). Các tiêu chuẩn là các quy tắc ngầm được chia sẻ bởi một nhóm các cá nhân, hướng dẫn cách thức tương tác của họ với những người khác, buộc người khác bắt chước hành vi hoặc nghe theo hướng dẫn. Điều này có thể xuất phát từ những ảnh hưởng vô thức tinh tế (trạng thái tâm lý có khuynh hướng), hoặc áp lực xã hội trực tiếp và quá mức. Hai lí do chính cho sự tuân thủ của con người là từ quá trình ảnh hưởng thông tin và ảnh hưởng quy phạm (Thái Trí Dũng, 2011).

Ảnh hưởng thông tin xảy ra khi con người muốn điều chỉnh hành vi để phù hợp với chuẩn mực chung của số đông và xã hội - hay còn được nhìn nhận là hành vi “chính xác”. Trong những trường hợp mà con người không chắc chắn về phản ứng chính xác, họ thường tìm đến những người khác có thông tin tốt hơn, hiểu biết hơn để sử dụng sự dẫn dắt như một hướng dẫn cho hành vi của mình. Ảnh hưởng quy phạm bắt nguồn từ mong muốn tránh bị trừng phạt và kì vọng nhận phần thưởng. Trong tình huống con người không tự giác theo đuổi chuẩn mực chung của nhóm/xã hội, buộc đám đông phải đặt ra biện pháp trừng phạt để giới hạn hành vi hoặc đặt ra tiêu chuẩn khen thưởng để khuyến khích hành vi thích hợp.

2.1.2. Các yếu tố thúc đẩy hành vi tuân thủ

Dựa trên lí thuyết của E. Tolman, hành vi được xem xét trong mối quan hệ nhân quả trực tiếp với các “thông số độc lập - thông số trung gian - thông số phụ thuộc” (Bourdieu, 2000). Các thông số này được đưa vào với tư cách là các kiến tạo lí luận, giải thích cho những tác nhân vật lí thúc đẩy hành vi có thể quan sát được. Theo đó, thông số trung gian và thông số phụ thuộc là “những điểm tựa vật thể” mang thuộc tính vật lí có vai trò chỉ dẫn mọi cử động hành vi nhằm thỏa mãn nhu cầu cơ thể. Quá trình này được hình thành do có học tập trước đó. Hệ thống của Tolman hạn chế ở chỗ, nó hoàn toàn tập trung chú ý vào ý định và nhận thức, bỏ qua các phản ứng vô thức vốn có của hành vi, đặc biệt là trạng thái tâm lý có khuynh hướng của hành vi tuân thủ.

Các thông số độc lập có thể ảnh hưởng tương đối đến hành vi tuân thủ bao gồm: văn hóa (Milgram, 1963), giới tính (Bond và Smith, 1996), độ tuổi (Walker và Andrade, 1996), kích thích khác biệt và tương quan thần kinh (Izuma, 2013)... Những thông số độc lập xuất phát từ các thử nghiệm thực tế nên chỉ có tính ảnh hưởng tương đối trong dự báo. Hơn nữa, hành vi tuân thủ là một hiện tượng nhóm, các yếu tố như quy mô nhóm (Milgram, 1963), sự nhất trí, sự gắn kết, địa vị, chuẩn mực xã hội và ý kiến dư luận cũng có khả năng gia tăng mức độ phù hợp của một cá nhân, kích thích hành vi tuân thủ của cá nhân được thực hiện.

2.2. Phân tích, đánh giá thực trạng hành vi tuân thủ nội quy, quy chế của sinh viên một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Phương pháp, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, cả mô hình hồi quy đơn biến và đa biến với sự tham gia của các biến phi tham số đều được thử nghiệm xây dựng để đo lường ảnh hưởng của chúng. Địa điểm, chuyên ngành và cấp học là những biến phi tham số có thể sử dụng (Sullivan và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, dựa trên thang đo mức độ gắn bó của SV và thang đo năng lực học tập: SV năm 2 có khả năng đáp ứng tốt nhất trong khảo sát về thái độ và hành vi (Theresa, 2006). Vì vậy, đối tượng khảo sát chính của đề tài tập trung vào các SV năm thứ 2.

Theo đó, có 4 mô hình sẽ được kiểm định gồm: $y = \beta_0 + \beta x + \varepsilon$ (Mô hình 1); $y = \beta_0 + \beta x + \gamma \text{Gender} + \mu \text{Place} + \delta \text{Major} + \varepsilon$ (Mô hình 2), với y đại diện cho mức độ đánh giá của SV về hình phạt cho những hành vi vi phạm quy định theo Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục đại học 2012 sửa đổi 2018, x đo lường mức độ nghiêm trọng của hành vi, các biến phi tham số giới tính (gender), cơ sở đào tạo (place) và chương trình đào tạo (major). Tương tự, mô hình hồi quy mối quan hệ nhân quả giữa mức độ phù hợp của quy chế của các Trường và khả năng chấp hành, tuân thủ của SV cũng được thể hiện bằng: $Q = \beta_0 + \beta S + \varepsilon$ (Mô hình 3); $Q = \beta_0 + \beta S + \gamma \text{Gender} + \mu \text{Place} + \delta \text{Major} + \varepsilon$ (Mô hình 4); trong đó, Q là biến phụ thuộc, thể hiện đánh giá của SV về mức độ tuân thủ quy chế và S là mức độ phù hợp của các quy định được khảo sát.

- Đối tượng nghiên cứu là hành vi tuân thủ nội quy, quy chế của SV tại một số trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

- Phạm vi nghiên cứu được giới hạn trong năm học 2018-2019.

2.2.2. Phương pháp chọn mẫu và thiết kế bảng hỏi

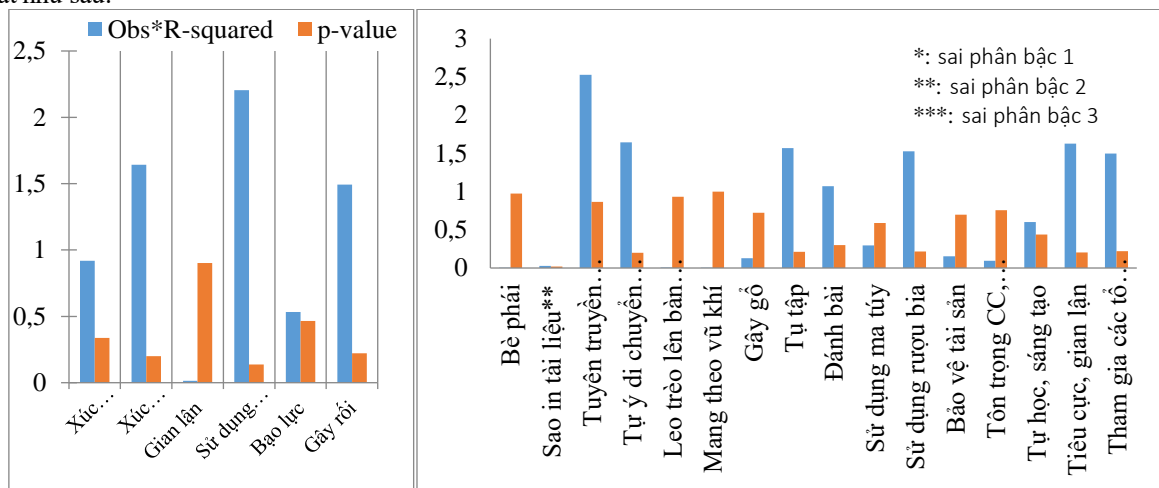
Bảng hỏi của nghiên cứu tập trung khai thác 4 yếu tố chính về hành vi, bao gồm: *mức độ nghiêm trọng, mức độ xử phạt, mức độ tuân thủ và mức độ hợp lý* với 10 nhóm câu hỏi, trong đó có 4 nhóm câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ và 1 câu hỏi mở. Phương pháp chọn cỡ mẫu theo xác suất, thông kê phân tầng và lấy mẫu ngẫu nhiên được sử dụng trong nghiên cứu này. Với tổng thể mẫu được sử dụng là hơn 441,113 SV các trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh (dựa theo số liệu Tổng cục Thống kê năm 2010), sai số tiêu chuẩn là 0.95, cỡ mẫu được xác định như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2} = \frac{441,113}{1 + 441,113(0.95)^2} = 110.83$$

Nhóm nghiên cứu đã gửi 800 phiếu khảo sát qua hình thức phát phiếu trực tiếp (mỗi trường phát ngẫu nhiên 200 phiếu) cho SV thuộc 4 trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, gồm các trường: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngân hàng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Trường Đại học Giao thông Vận tải. Kết quả: có 732 phiếu được thu về, tuy nhiên chỉ có 697 phiếu là hợp lệ.

2.2.3. Kết quả khảo sát và mô hình

Thông qua số liệu khảo sát từ mẫu nghiên cứu, kết quả tổng hợp xác định mối quan hệ nhân quả giữa mức độ nghiêm trọng và hành vi xử phạt theo Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi 2018) được khái quát như sau:



Sơ đồ 1. Kiểm định tương quan giữa hành vi vi phạm và hình phạt

Sơ đồ 2. Kiểm định tương quan giữa mức độ hợp lý của quy chế và mức độ tuân thủ của SV

Bảng 1. Kết quả mô hình hành vi theo Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục đại học 2012 sửa đổi 2018

	Xúc phạm người học	Xúc phạm CC-VC-NLD	Gian lận	Sử dụng ma túy	Bạo lực	Gây rối	
Kiểm định Pearson	0.017	0.032	0.056	0.0041	0.013	0.028	
Mô hình (1)	β_0	0.646	1.219	1.007	1.837	1.907	1.750
	β	0.453	0.294	0.386	0.412	0.324	0.336
	R^2	0.154	0.059	0.142	0.129	0.096	0.086
	Adjusted R^2	0.153	0.057	0.140	0.128	0.094	0.085
	F-statistic (ρ -value)	126.585 (0.000)	43.441 (0.000)	114.57(0.000)	103.503 (0.000)	73.58 (0.000)	65.779 (0.000)
	DurbinWatson	1.762	1.718	1.932	1.903	1.949	1.828
	VIF	1.0000	1.0000	1.000	1.0000	1.0000	1.0000

Theo đó, kiểm định Pearson cho thấy ρ -value của các hành vi xúc phạm người học, xúc phạm công chức (CC), viên chức (VC) và người lao động (NLD), sử dụng và tàng trữ chất kích thích, bạo lực và gây rối học đường đều có giá trị nhỏ hơn 5%, vì vậy ta có thể chấp nhận đối thuyết H_1 ở mô hình (1): mức độ xử phạt của hành vi vi phạm hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của nó, trừ hành vi gian lận. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi

nguy hại cho xã hội, trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ (Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2014). Hành vi gian lận mặc dù được quy định trong Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi 2018) nhưng trong đánh giá của SV lại là hành vi không làm tổn hại đến lợi ích các bên liên quan, đồng thời phản ánh quyền lợi cá nhân trong việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm bản thân (Quốc hội, 2013).

Dựa theo *sơ đồ 1*, mặc dù giá trị F-statistic đều lớn và $p\text{-value} = 0.000 < 5\%$, chứng tỏ R^2 của tổng thể luôn khác 0, đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được là phù hợp với tổng thể, các biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc. Tuy nhiên, kết quả hồi quy của mô hình (1) không lí tưởng (với giá trị R^2 rất nhỏ) cũng cho thấy yếu tố mức độ nghiêm trọng không thể hiện hết được mức độ phù hợp của hành vi xử phạt theo Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục Đại học 2012 (sửa đổi 2018). Tuy nhiên, nhìn chung có thể khẳng định mối quan hệ giữa mức độ xử phạt và tính nghiêm trọng là đồng biến với tất cả các giá trị $\beta > 0$. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với thực tế về các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ của khung hình phạt theo pháp luật xét theo góc độ về quy mô, tính chất cũng như mức độ gây tổn hại đến cho những chủ thể chịu tác động (Quốc hội, 2012). Để xem xét toàn diện hơn ảnh hưởng của tính nghiêm trọng đến mức độ xử phạt, mô hình đa biến với các biến phi tham số giới tính, cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo được xây dựng, kết quả hồi quy có khả quan hơn *mô hình 1* và được thể hiện qua *sơ đồ 2* (trang trước).

Bảng 2. Kết quả mô hình hành vi theo Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục Đại học 2012, sửa đổi 2018 với biến phi tham số

		Xúc phạm người học	Xúc phạm CC - VC - NLD	Gian lận	Sử dụng ma túy	Bạo lực	Gây rối
Mô hình (2)	β_0	0.637	1.402	1.045	1.981	1.984	1.820
	β	0.449	0.382	0.389	0.408	0.326	0.337
	R^2	0.160	0.123	0.146	0.142	0.104	0.092
	Adjusted R^2	0.155	0.118	0.141	0.137	0.099	0.086
	F-statistic	32.960	24.282	29.490	28.666	20.094	17.427
	(p-value)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)
	Durbin Watson	1.766	1.851	1.939	1.926	1.958	1.841
	VIF	1.002	1.004	1.003	1.004	1.003	1.004
Cronbach Alpha		0.227	0.188	0.252	0.159	0.210	0.263

Giá trị R^2 có tăng nhưng chưa đủ đảm bảo ý nghĩa cho mô hình, đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của mô hình thấp (< 0.7), báo hiệu độ tin cậy yếu. Vì vậy, trong tương lai, cần mở rộng nghiên cứu để xác định thêm các biến quan sát cần thiết cho mô hình, cũng như xác định dạng hàm phù hợp. Tương tự, có thể đánh giá được các biến phi tham số về giới tính, cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo có tác động đến mức độ tuân thủ nội quy, quy chế của SV tại trường hay không thông qua kiểm định Pearson, Wilcoxin và Mann-Whitney:

Bảng 3. Kiểm định mô hình phi tham số mức độ tuân thủ

Mức độ tuân thủ	Bề phái	Sao in tài liệu	Tuyên truyền chống phá Nhà nước	Tự ý di chuyển thiết bị	Leo trèo bàn ghế	Mang theo vũ khí	Gậy gỗ	Tụ tập	Đánh bài	Sử dụng ma túy	Sử dụng rượu bia	Bảo vệ tài sản	Tôn trọng người lao động	Tự học, sáng tạo	Tiêu cực, gian lận	Tổ chức trái pháp luật	
Kiểm định Pearson	Giới tính	0.299	0.695	0.026	0.000	0.12	0.232	0.69	0.46	0.061	0.098	0.006	0.644	0.115	0.539	0.947	0.063
	Trường	0.357	0.009	0.391	0.901	0.08	0.872	0.15	0.14	0.15	0.514	0.039	0.049	0.721	0.029	0.052	0.335
	Ngành	0.117	0.061	0.069	0.299	0.04	0.309	0.24	0.34	0.870	0.401	0.235	0.076	0.504	0.009	0.018	0.036
Kiểm định Wilcoxin	Giới tính	0.343	0.174	0.004	0.018	0.15	0.271	0.88	0.38	0.060	0.065	0.001	0.782	0.079	0.604	0.994	0.009
	Trường	0.062	0.001	0.379	0.537	0.01	0.910	0.63	0.04	0.123	0.378	0.759	0.075	0.333	0.142	0.012	0.697
	Ngành đào tạo	0.103	0.006	0.423	0.085	0.03	0.469	0.44	0.06	0.373	0.164	0.398	0.044	0.297	0.156	0.043	0.031

Theo đó, với các hành vi có giá trị $p\text{-value} > 5\%$, ta có thể kết luận rằng hành vi đó không phụ thuộc vào biến phi tham số, đồng thời giá trị trung bình mức độ tuân thủ theo các biến phi tham số tại mức ý nghĩa 5% là như nhau. Ví dụ như các hành vi tự ý di chuyển trang thiết bị trong phòng học, sử dụng rượu bia có giá trị $p\text{-value}$ ở kiểm định Pearson $< 5\%$ nên chúng có sự phụ thuộc nhất định vào biến giới tính, nghĩa là mức độ tuân thủ hành vi không tự ý di chuyển trang thiết bị trong phòng học và sử dụng rượu bia có sự khác biệt giữa SV nam và SV nữ. Tương tự, kiểm

định Wilcoxin cho thấy mối tương đồng giữa hai tổng thể, cụ thể là kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau của trung bình hai tổng thể.

Bảng 4. Kiểm định mô hình mức độ tuân thủ và mức độ hợp lý của quy chế

Mức độ tuân thủ	Bè phái	Sao in tài liệu	Tuyên truyền chống phá Nhà nước	Tự ý di chuyển thiết bị	Leo trèo bàn ghế	Mang theo vũ khí	Gậy gỗ	Tụ tập	Đánh bài	Sử dụng ma túy	Sử dụng rượu bia	Bảo vệ tài sản	Tôn trọng VC, NLD	Tự học, sáng tạo	Tiêu cực, gian lận	Tổ chức trái pháp luật
β_0	1.716	1.990	2.053	2.115	2.052	2.110	2.156	2.010	1.933	2.386	2.051	2.169	2.249	2.085	1.939	2.093
β	0.456	0.374	0.482	0.465	0.400	0.506	0.459	0.480	0.491	0.452	0.464	0.424	0.445	0.429	0.410	0.490
R^2	0.168	0.111	0.216	0.181	0.133	0.213	0.192	0.180	0.168	0.165	0.154	0.136	0.177	0.167	0.123	0.195
Adjusted R^2	0.167	0.110	0.215	0.180	0.132	0.212	0.191	0.178	0.167	0.164	0.153	0.135	0.176	0.166	0.121	0.193
F-stat (p)	140.6 (0.00)	86.83 (0.00)	191.3 (0.00)	153.438 (0.00)	106.6 (0.00)	187.9 (0.00)	165.4 (0.00)	152.2 (0.00)	140.5 (0.0)	137.2 (0.00)	126.4 (0.00)	109.4 (0.00)	149.6 (0.00)	139.8 (0.00)	97.21 (0.00)	167.7 (0.00)
Durbin Watson	2.000	1.816	1.879	1.903	1.831	1.988	1.972	1.903	1.917	1.958	1.870	1.974	2.022	1.937	1.911	1.905
VIF	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000

Bảng 5. Kiểm định mô hình mức độ tuân thủ và mức độ hợp lý của quy chế với các biến phi tham số

Mức độ tuân thủ	Bè phái	Sao in tài liệu	Tuyên truyền chống phá Nhà nước	Tự ý di chuyển thiết bị	Leo trèo bàn ghế	Mang theo vũ khí	Gậy gỗ	Tụ tập	Đánh bài	Sử dụng ma túy	Sử dụng rượu bia	Bảo vệ tài sản	Tôn trọng người lao động	Tự học, sáng tạo	Tiêu cực, gian lận	Tổ chức trái Pháp luật
β_0	1.660	1.877	2.085	2.100	1.988	2.108	2.131	1.945	1.909	2.364	2.047	2.127	2.242	2.051	1.842	2.153
β	0.450	0.361	0.473	0.465	0.390	0.505	0.461	0.477	0.488	0.451	0.464	0.424	0.445	0.428	0.402	0.490
R^2	0.173	0.128	0.226	0.200	0.145	0.216	0.195	0.187	0.177	0.175	0.168	0.139	0.184	0.168	0.131	0.201
Adjusted R^2	0.168	0.123	0.221	0.196	0.141	0.212	0.190	0.183	0.172	0.170	0.163	0.134	0.180	0.164	0.126	0.196
F-stat (p)	36.20 (0.00)	25.36 (0.0)	50.39 (0.00)	43.31 (0.00)	29.41 (0.00)	47.70 (0.00)	41.86 (0.00)	39.86 (0.0)	37.18 (0.00)	36.62 (0.00)	34.85 (0.00)	27.90 (0.00)	39.11 (0.00)	35.04 (0.00)	26.01 (0.00)	43.45 (0.00)
Durbin Watson	2.019	1.852	1.884	1.944	1.865	1.991	1.978	1.913	1.927	1.977	1.894	1.981	2.028	1.938	1.927	1.911
VIF	1.010	1.016	1.011	1.012	1.023	1.002	1.004	1.017	1.007	1.000	1.003	1.026	1.002	1.019	1.012	1.013
Cronbach's Alpha	0.284	0.302	0.271	0.294	0.336	0.290	0.285	0.323	0.266	0.256	0.261	0.345	0.273	0.326	0.307	0.279

Dựa theo *bảng 2*, mặc dù giá trị F-statistic đều lớn và p -value = 0.000 < 5%, chứng tỏ R^2 của tổng thể luôn khác 0, đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được là phù hợp với tổng thể, các biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc. Tuy nhiên, kết quả hồi quy của mô hình (1) không lí tưởng (với giá trị R^2 rất nhỏ), đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của mô hình thấp (<0.7), báo hiệu độ tin cậy yếu, cho thấy yếu tố mức độ phù hợp của quy chế dựa trên đánh giá của SV không thể thể hiện hết được mức độ tuân thủ quy chế. Tuy nhiên, nhìn chung có thể khẳng định mối quan hệ giữa mức độ tuân thủ và tính hợp lý của quy chế là đồng biến với tất cả các giá trị $\beta > 0$. Với kết quả hồi quy này, hoàn toàn có thể kết luận mức độ hợp lý của quy chế có ảnh hưởng tương quan đồng biến đến mức độ tuân thủ của SV. Do đó, Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học 2012 sửa đổi 2018 có thể được coi là khung chuẩn cho các cơ sở giáo dục đào tạo đại học khi ban hành các quy định, quy chế liên quan đến sinh viên. Tuy nhiên trong tương lai, cũng cần mở rộng nghiên cứu để xác định thêm các biến quan sát cần thiết cho mô hình, cũng như xác định dạng hàm phù hợp.

2.3. Một số đề xuất nhằm nâng cao nhận thức và hiệu quả hành vi tuân thủ nội quy, quy chế đối với sinh viên các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Về phía nhà trường, cần phải xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, hoạt động cho SV thông qua các tổ chức chính trị xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội SV... nhằm định hướng hành vi ứng xử trong môi trường giáo dục. Bên cạnh đó, hàng năm phải khảo sát để nắm bắt tình hình học tập cũng như vấn đề liên quan đến giao tiếp ứng xử để cơ sở giáo dục kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. Về phía gia đình, cần quan tâm, giáo dục con em về các hành vi ứng xử đúng, phù hợp với văn hóa Việt Nam; thường xuyên nắm bắt, theo dõi hoạt động học tập và giải trí của con em để có những tác động điều chỉnh hành vi một cách kịp thời; phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức, nắm bắt thông tin và điều chỉnh phù hợp với quy tắc, chuẩn mực của xã hội và nhà trường.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hợp lý của quy chế có ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp hành thực hiện nội quy, quy chế cũng như đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo SV tại các trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh phát triển một cách toàn diện để trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, trong quy chế của các trường đại học cần có quy định chặt chẽ về hình thức xử lý vi phạm. Việc quy định về hình thức xử lý vi phạm cần được khảo sát ở phạm vi cụ thể và sâu rộng để đảm bảo tính công bằng và minh bạch, tăng cường tính chấp hành. Sau khi đã tổng hợp được ý kiến phù hợp cần điều chỉnh quy chế Nhà trường và một số văn bản liên quan đến hành vi ứng xử của SV theo đúng pháp luật và nhu cầu của SV đang học tập tại trường. Đối với những hành vi mang tính tác động thấp, ít có tính tuân thủ và chưa phù hợp thì điều chỉnh cho hợp lý. Đối với những hành vi mang tính tuân thủ cao thì tiếp tục thực hiện và tăng cường mức độ thực hiện của những hành vi đó. Xét trên mối tương quan giữa môi trường giáo dục và hình phạt sẽ được siết chặt theo luật định nếu có mức độ ảnh hưởng cao và ngược lại.

Tài liệu tham khảo

- Ban Tuyên giáo Trung ương, Vụ Giáo dục và đào tạo, dạy nghề (2015). *Giáo dục nếp sống văn hoá cho học sinh*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Bond, R., & Smith, P. B. (1996). *Culture and conformity: A meta-analysis of studies using Asch's (1952b, 1956) line judgment task*. Psychological Bulletin, 119(1), 111-137.
- Bourdieu, B. (2000). *Văn hóa lâm nguy*. Bản dịch của Nguyễn Duy Bình. Truy cập tại <http://www.vanhoahoc.edu.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/3164-pierre-bourdieu-van-hoa-lam-nguy.html>
- Bùi Thanh Bình (2017). *Nền giáo dục Việt Nam rất đặt nặng vào tuân thủ nội quy*. Truy cập tại <https://thanhvien.vn/giao-duc/nen-giao-duc-viet-nam-rat-dat-nang-vao-tuan-thu-noi-quy-880586.html>, ngày 29/09/2017.
- Cialdini, R. B. & Goldstein, N. J. (2004). *Social influence: Compliance and conformity*. Annual Review of Psychology, 55, 591-621.
- Dossierpolitik (2010). *Fundamentals of effective compliance management*. Report of Economiesuisse, No.7, Swiss Business Federation.
- Izuma, K. (2013). *The neural basis of social influence and attitude change*. Current Opinion in Neurobiology, 23(3), 456-462. <https://doi.org/10.1016/j.conb.2013.03.009>.
- Milgram, S. (1963). *Behavioral Study of obedience*. The Journal of Abnormal and Social Psychology, 67(4), 371-378. <https://doi.org/10.1037/h0040525>.
- Nguyễn Thanh Tuấn (2008). *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thu Hà (2019). *Một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với bạo lực học đường*. Tạp chí Giáo dục, số 448, tr 26-31.
- Owalabi.S.M, Idowu.O.A, Aliu.B.D, (2015). *Awareness and Compliance to Library Rules and Regulations by Undergraduate Students in Two University Libraries in Southwest Nigeria*. International Journal of Library Science, 4(1), 1-6.
- Phạm Minh Thảo (2003). *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Quốc hội (2012). *Luật Xử lý vi phạm hành chính*. Luật số 15/2012/QH13. Điều 9. Tinh tiết giảm nhẹ và Điều 10. Tinh tiết tăng nặng.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
- Sullivan, Klingbeil & VanNorman (2013). *Beyond behavior: Multilevel analysis of the influence of sociodemographics and school characteristics on students' risk of suspension*. School Psychology Review, 47, 99-114.
- Thái Trí Dũng (2011). *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*. NXB Lao động - Xã hội.
- Theresa M. Akey (2006). *School Context, Student Attitudes and Behavior, and Academic Achievement: An Exploratory Analysis*. New York, US: MDRC. Truy cập tại <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED489760.pdf>
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2014). *Tập bài giảng về lý luận và pháp luật*. NXB Hồng Đức.
- Ukpabio, G. & Etor, C. (2016). *Managing Students for Compliance to Rules and Regulations in Nigerian Secondary Schools*. International Journal of Education Administration Planning and Research, 8(2), 272-283
- Walker, M. B., & Andrade, M. G. (1996). *Conformity in the Asch task as a function of age*. The Journal of Social Psychology, 136(3), 367-372. <https://doi.org/10.1080/00224545.1996.9714014>.